

Số: /BC-UBND

Song An, ngày tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 9 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2022

Kính gửi:

- UBND thị xã An Khê;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch;

Phần I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KINH TẾ-XÃ HỘI 9 THÁNG/2022

I. LĨNH VỰC KINH TẾ:

1. Nông nghiệp

1.1. Cây hàng năm

Kết quả gieo trồng đến nay 397/397 ha, đạt 100%% kế hoạch năm.

+ Kết quả gieo trồng vụ Đông xuân: 237/267 ha, đạt 88,76% kế hoạch¹. Sản lượng lương thực đạt 565 tấn².

+ Kết quả gieo trồng vụ Mùa: 160/130 ha, đạt 123% kế hoạch³. Kết quả thu hoạch vụ mùa: Cây lúa năng suất trung bình ước đạt 5,65 tấn/ha, sản lượng lương thực đạt 565 tấn/ha.

Tình hình thu hoạch vụ Mùa sớm, do thời tiết thuận lợi để Nhân dân gieo sạ sớm. Các công trình thủy lợi đang có trữ lượng nước đảm bảo tưới cho diện tích cây trồng trong vùng tưới. Vận động các hộ dùng nước nạo vét kênh mương bị hư hỏng, nhằm đảm bảo trữ nước, dẫn nước và thực hiện kế hoạch xả nước tưới phù hợp để chăm sóc cây trồng.

Hỗ trợ giống lúa cho các hộ tham gia mô hình cánh đồng sản xuất lúa một giống chất lượng cao (Đập Đất Khách, Hồ Hòn Cỏ, Bàu Ấu) 85 hộ, diện tích 13 ha, đã cấp 1.300 kg giống lúa (giống J02: 520kg, HN6: 780 kg). Hỗ trợ giống lúa chất lượng cao, phân lân cho hộ DTTS làng Pốt: 63 hộ, diện tích 11,4 ha, đã cấp 1.140 kg giống lúa ĐT 100 và 5.700 kg phân lân.

¹ Cây lúa: 70ha/70 ha, đạt 100%KH; cây Ngô: 22ha/22ha, đạt 100% KH; cây mì: 30ha/60 ha, đạt 50%KH; cây thực phẩm: 15/15 ha, đạt 100%KH; cây trồng hàng năm khác: 50ha/50 ha, đạt 100%KH; cây ăn quả: 50ha/50ha, đạt 100% KH.

² Cây lúa năng suất trung bình ước đạt 6,5 tấn/ha, sản lượng đạt 455 tấn; cây ngô năng suất trung bình ước đạt 5 tấn/ha, sản lượng 110 tấn; cây thực phẩm: cây đậu năng suất trung bình ước đạt 0,9 tấn/ha, sản lượng 4,5 tấn; cây rau năng suất trung bình ước đạt 21,5 tấn/ha, sản lượng 322,5 tấn.

³ Cây lúa 100/70ha, đạt 142,8%; cây rau 10/10 ha, đạt 100%; cây hàng năm khác 50/50 ha, đạt 100%.

Triển khai công tác lập kế hoạch kinh tế xã hội có sự tham gia cộng đồng: UBND xã thành lập tổ công tác, tổ chức 2 buổi họp chuyên đề thống nhất các chỉ tiêu KTXH, QPAN năm 2023.

Thông báo tình hình sâu bệnh, triển khai cho các thôn, làng thông báo cho Nhân dân các biện pháp phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng đảm bảo theo quy định.

1.2. Chăn nuôi

Tình hình chăn nuôi trên địa bàn ổn định. Thường xuyên tuyên truyền, hướng dẫn cho Nhân dân các biện pháp phòng, chống dịch bệnh trong chăn nuôi; sử dụng hóa chất, phun tiêu độc, khử trùng, vệ sinh môi trường chăn nuôi.

Triển khai tháng vệ sinh, khử trùng tiêu độc đợt 1, cấp phát 48 lít Benkocid với diện tích phun 76.800 m²; đợt 2, cấp phát 48 lít bencovet cho Nhân dân phun tiêu độc, khử trùng, vệ sinh môi trường chăn nuôi.

Tổng đàn: Đàn trâu 20/24 con, đạt 83,33%; đàn bò 1.684/1.690, đạt 99,64%; đàn heo 3.210/1.550 con, đạt 207%.

2. Công tác tài nguyên và môi trường

Thực hiện công tác phối hợp, lồng ghép với UBMTTQVN xã tuyên truyền, triển khai cho thôn, làng và Nhân dân thực hiện tốt công tác bảo vệ rừng và phòng chống cháy rừng trong mùa khô và thông báo cho Nhân dân có nhu cầu nhận khoán bảo vệ rừng (*Thông báo số 22/TB-UBND ngày 15/4/2022; số 42/TB-UBND ngày 13/7/2022*).

Tuyên truyền vận động Nhân dân đăng ký thu gom rác thải, số hộ đăng ký rác thải mới trong tháng 50 hộ, đạt tỷ lệ 52,67% (641/1.217 hộ). Số hộ dân đăng ký dụng nước máy tập trung trong tháng 105 hộ, đến nay 506/1.217 hộ, tỷ lệ 41,57%; phân chi tiêu vận động cụ thể triển khai tổ chức thực hiện đạt kế hoạch trên giao.

UBND xã tổ chức họp chuyên đề công tác quản lý diện tích 88,9 ha đất rừng, thành lập Tổ công tác kiểm tra hiện trạng diện tích 88,9 ha, đất lâm nghiệp giao cho UBND xã quản lý (*Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 05/8/2022; 44/KH-UBND - 11/8/2022 về việc đi thực địa kiểm tra, rà soát diện tích 88,9ha đất lâm nghiệp*).

Dự án Tăng cường kết nối giao thông khu vực Tây Nguyên thuộc tuyến mở rộng Quốc lộ 19 đang triển khai thi công đào đắp đất và các hạng mục cống, UBND xã đã làm việc với đơn vị trực tiếp thi công gói thầu mở rộng Quốc lộ 19 khu vực dân cư thực hiện đảm bảo về sinh môi trường thường xuyên tưới nước phân mặt đường hạn chế ô nhiễm bụi từ dự án.

Trong tháng có Tiểu đoàn cối 100, Sư đoàn 2 hỗ trợ địa phương trong công tác dân vận: Tổng số 25 chiến sĩ về hỗ trợ cho địa phương trong thời gian 15 ngày⁴.

Kiểm tra 01 hộ gia đình cá nhân chăn nuôi hộ gia đình cam kết thực hiện, khắc phục các điều kiện đảm bảo vệ sinh, môi trường trong khu dân cư.

⁴ Điểm trường Mẫu giáo Hoa Mai cải tạo vườn hoa, cuốc đất đào bồn, xây đường đi vào vườn hoa, vườn rau, đào hố trồng vườn cây ăn quả, sơn lại công trường, đào mương thoát nước...; tại làng Pốt đào 30 hố vệ sinh, 7 hố rác, đổ đường bê tông; điểm trường Tiểu học Trần Phú đào 04 hố rác, cải tạo đất vườn hoa và khuôn viên sân chơi 02 cơ sở (01 và 02).

Công tác quản lý tài nguyên, khoáng sản: Tuyên truyền cho các thôn và Nhân dân không khai thác tài nguyên khoáng sản, vận chuyển đất trái phép trên địa bàn (*văn bản số 119/UBND-KT ngày 13/5/2022 của UBND xã về tăng cường công tác quản lý đất đai, khoáng sản, trật tự xây dựng*). Xảy ra 02 vụ khai thác khoáng sản: xử phạt 121.500.000 đồng.

Phối hợp chủ đầu tư dự án Cửu An (*Công ty Cổ phần điện gió Cửu An*) và dự án điện gió Song An (*Công ty Cổ phần điện gió Song An*) làm tốt công tác tuyên, vận động, giải thích cho từng hộ đình khu vực dự án biết quy định của pháp luật trong việc thực hiện các dự án điện gió; các vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ liên quan đến dự án điện gió cần xin ý kiến hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.

3. Công tác đầu tư xây dựng

Dự án tăng cường kết nối giao thông khu vực Tây nguyên (đoạn qua thị xã An Khê): Tuyến đường tránh Quốc lộ 19 chiều dài 2,8km; Tuyến mở rộng 3,74km đoạn từ đầu là đèo An Khê đến điểm cuối là đầu nối tuyến đường tránh (km67 đến km70+740) đơn vi thi công theo tiến độ của dự án.

Công trình kênh mương Suối Tôm thi công khối lượng thi công tiến độ 80%; Công trình nhà làm việc Đảng ủy – Hội đồng nhân dân – Ủy ban nhân dân xã thi công tiến độ đảm bảo đúng theo hợp đồng; công trình trường Tiểu học Trần Phú (cơ sở 2) thi công cơ bản hoàn thành, dự kiến nghiệm thu trong tháng.

Các công trình đầu tư xây dựng cơ bản từ vốn ngân sách xã (tiền sử dụng đất) họp dân, thống nhất chủ trương và huy động mức đóng góp để thi công theo quy định, gồm: đường đi Dương Thi Hồng, các tuyến đường BTXM làng Pốt, thủy lợi Đập Bụng.

Thường xuyên nắm bắt, kiểm tra về hoạt động xây dựng nhà ở nông thôn đảm bảo các quy định về hoạt động xây dựng nhà ở trên địa bàn xã đến tháng 30/7/2022 có 17 nhà ở riêng lẻ đăng ký thông báo khởi công đã thực hiện nghĩa vụ tài chính.

Hành lang đường bộ tuyến Quốc lộ 19 đảm bảo không xảy ra tình trạng các hộ dân có hành vi chiếm, lấn hành lang đường bộ tuyến qua địa bàn xã.

4. Thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025; UBND xã đã rà soát các tiêu chí, chỉ tiêu xã nông thôn mới nâng cao như sau:

- 4/19 tiêu chí rà soát khi có văn bản hướng dẫn cấp trên gồm: Tiêu chí 1-Quy hoạch; tiêu chí 6-Văn hóa; tiêu chí 8-Thông tin và truyền thông; tiêu chí 19- Quốc phòng và An ninh.

- Có 15/19 tiêu chí với tổng 67 chỉ tiêu rà soát đánh giá:

+ Có 11 chỉ tiêu rà soát khi có văn bản hướng dẫn cấp trên

+ 56 chỉ tiêu đánh giá cụ thể như sau: 45 chỉ tiêu Đạt và 11 chỉ tiêu chưa đạt.

Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Quyết định số 167/QĐ-UBND, ngày 05/8/2022 về việc kiện toàn Ban quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia xã Song An giai đoạn 2021-2025. Rà soát các tiêu chí cần đạt, xây dựng KH, phân công nhiệm vụ các thành viên phụ trách từng chỉ tiêu, tiêu chí để phấn đấu đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao

* Đối với làng nông thôn mới:

Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 17/4/2019 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Bộ tiêu chí thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới.

Phối hợp với lực lượng bộ đội trong công tác dân vận, đào hố xây 20 nhà vệ sinh cho đồng bào làng Pốt, đến nay tổng 56/80 hộ đồng bào làng Pốt đã có nhà tiêu hợp vệ sinh, đạt tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm >70% hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh.

Trên cơ sở Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 23/6/2022 của UBND thị xã An Khê về việc phê duyệt nội dung, dự toán Dự án: Mô hình nuôi Dúi, UBND xã bàn giao con Dúi giống cho 15 hộ dân tại làng Pốt. Tổ chức hội nghị đánh giá quá trình triển khai, thực hiện để rút ra những bài học kinh nghiệm, có hướng khắc phục những hạn chế để phát triển dự án bền vững đạt hiệu quả cao.

5. Thu, chi ngân sách

Tổng thu ngân sách cấp xã ước thực hiện 3.944/5.278 triệu đồng, đạt 74,7% kế hoạch (trong đó số thu điều tiết 674/834 triệu đồng, đạt 80,8% kế hoạch, trừ tiền sử dụng đất).

Tổng chi ngân sách: 3.320/5.278 triệu đồng, đạt 62,9% kế hoạch (chi thường xuyên: 2.962/3.813 triệu đồng, đạt 77,6% kế hoạch, chi bổ sung có mục tiêu 358/1.240 triệu, đạt 28,8%).

Công tác triển khai thu các loại quỹ trên địa bàn: Quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ người nghèo, quỹ người cao tuổi, quỹ phòng chống thiên tai, đạt 95,03% kế hoạch.

Công tác vận động xây dựng cơ bản trên địa bàn: 04 công trình thực hiện vận động: 03 công trình thực hiện vận động xong đợt 01 với tổng số tiền vận động 71.608.000/146.565.000 đồng, đang triển khai thực hiện vận động đợt 02 theo đúng phương án vận động; 01 công trình tiếp tục triển khai thực hiện trong thời gian tới.

II. VĂN HOÁ XÃ HỘI

1. Giáo dục

Công tác dạy và học ở các trường thực hiện đảm bảo theo quy định theo kế hoạch giảng dạy đầu năm học. Triển khai các biện pháp, quy định về phòng chống dịch Covid-19, dọn vệ sinh và sát khuẩn trường, lớp.

Năm học 2021-2022: tổng số học sinh 776 (*mẫu giáo 111 em, tiểu học 436 em tăng 13 em so với đầu năm, trung học cơ sở 299*). Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học ở cấp học tiểu học đạt 98,6%; chưa hoàn thành 06 em, chiếm tỷ lệ 1,4%; tỉ lệ học sinh hoàn thành Chương trình lớp 5 đạt 100%.

Học sinh trung học cơ sở học lực giỏi 36 em tỉ lệ 12%, khá 147, tỉ lệ 49,2%; tỉ lệ học sinh trung bình 36,5%; học lực yếu 07, tỉ lệ 2,3% phải kiểm tra lại 01 em; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS 73/73 em, đạt 100%; học sinh bỏ học 07 em, chiếm tỷ lệ 2,2% (*tăng so với năm học trước 02 em*); học sinh giỏi cấp thị xã 04 em, cấp tỉnh 01.

Các trường học trên địa bàn tiếp tục công tác vệ sinh, bảo vệ cơ sở vật chất trong dịp nghỉ hè và chuẩn bị công tác tu sửa cơ sở vật chất trường học cho năm học mới. Năm học 2022-2023: Tổng số học sinh đầu năm 862 em (*trung học cơ sở 299, tiểu học 443 em, mẫu giáo 120*).

Trung tâm học cộng đồng: Công tác xây dựng xã hội học tập đã tạo điều kiện để mọi người, mọi lứa tuổi được học tập thường xuyên, liên tục, học tập suốt đời; huy động sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội tham gia xây dựng và phát triển giáo dục coi đây là trách nhiệm, nghĩa vụ trong việc học tập và tham gia tích cực xây dựng xã hội học tập. xã Song An được công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3, phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3, xóa mù chữ mức độ 2.

2. Y tế - Dân số và kế hoạch hóa gia đình

Công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân được chú trọng, đặc biệt là khám chữa bệnh cho người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, người già và các đối tượng có thể BHYT. Tổng số lượt khám chữa bệnh 670 lượt. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng về cân nặng 55/450 trẻ, chiếm 12,22%; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng về chiều cao 77/450, chiếm 17/11%.

Tuyên truyền vận động chị em phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ thực hiện tốt các chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình. Công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân được chú trọng, đặc biệt là khám chữa bệnh cho người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, người già và các đối tượng có thể BHYT. Tổng số lượt khám chữa bệnh 180 lượt. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng về cân nặng 54/450 trẻ, chiếm 12%; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng về chiều cao 78/450, chiếm 17,33%.

3. Công tác phòng, chống dịch Covid-19

Ban hành, sao gửi các văn bản tuyên truyền, thông tin và chỉ đạo của các cấp về công tác phòng, chống dịch Covid-19 đến các cơ quan, đơn vị, thôn, làng trên địa bàn⁵.

Chỉ đạo các thôn, làng tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện áp dụng các biện pháp cơ bản trong phòng, chống dịch; tuyên truyền khai báo y tế kịp thời phát hiện, truy vết nhanh những người có khả năng bị lây nhiễm, ngăn ngừa dịch bệnh lây lan, để thông báo kịp thời cho Ban Chỉ đạo, Công an, Trạm Y tế.

Tiếp tục vận động, tuyên truyền người dân nâng cao nhận thức trong phòng, chống dịch Covid-19; tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia tiêm phòng vắc xin Covid-19 theo Kế hoạch.

+ Độ tuổi 12 đến dưới 18 tuổi: tiêm mũi 1: 341; tiêm mũi 2: 335; tiêm mũi 3: 118.

+ Độ tuổi trên 18 tuổi, tiêm mũi 1: 3346/3296; tiêm mũi 2: 3353/3296; tiêm mũi 3: 3014/3296.

4. Văn hóa - Thông tin

Những tháng đầu năm tình hình phức tạp của dịch bệnh Covid-19, các hoạt động văn hóa, tổ chức các lễ hội truyền thống và các hoạt động vui chơi trong dịp Tết không tổ chức theo văn bản chỉ đạo của UBND thị xã. Công tác thông tin tuyên truyền mừng Đảng mừng xuân thực hiện tốt trên các thôn, làng: treo cờ Tổ quốc, treo băng rôn mừng Đảng mừng xuân; dọn dẹp vệ sinh đường làng ngõ xóm xanh, sạch đẹp đón Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022.

⁵ Công văn số 19/UBND-VP ngày 21/01/2022 về tăng cường các biện pháp đón Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022; Công văn số 42/UBND-VP ngày 18/02/2022 về việc triển khai các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19; Công văn số 46/UBND-VP ngày 22/02/2022 về việc triển khai các biện pháp quản lý F0 ...

Tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các kế hoạch cấp trên và các văn bản kế hoạch của địa phương; tuyên truyền các ngày lễ: 47 năm giải phóng hoàn toàn miền nam thống nhất đất nước (30/4/1975 – 30/4/2022); tuyên truyền kỷ niệm 136 năm ngày Quốc tế lao động (1/5/1886 – 1/5/2022); Ngày sinh chủ tịch Hồ Chí Minh 19/5/2022; tuyên truyền 90 năm ngày thành lập tỉnh Gia Lai (24/5/1932 – 24/5/2022); 17 năm ngày Hội Quốc phòng toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc (19/8/2005 -19/8/2022); tuyên truyền 77 năm ngày Cách mạng tháng Tám thành công (19/8/1945-19/8/2022) và Quốc khánh nước CHXHCNVN (02/9/1945-02/9/2022); thông tin, tuyên truyền Lễ đón nhận Quyết định công bố thị xã An Khê hoàn thành Nông thôn mới 2020; triển khai các văn bản và công tác tuyên sinh năm học 2022-2023.

Tổng số băng rôn tuyên truyền 09 tháng: 42 băng rôn, pano 03: tuyên truyền các ngày lễ, kỷ niệm, các ngày truyền thống, ngày thành lập; tuyên truyền nhiều văn bản trên các trang Thông tin điện tử của xã, facebook; số giờ phát sóng phát thanh 660 giờ.

Tham gia Đại hội thể dục thể thao thị xã An Khê lần thứ IX các môn: Võ cổ truyền, võ vovinam, cầu lông, bóng bàn, bóng đá, cờ tướng, bắn nỏ. Kết quả đến thời điểm hiện tại: 01 huy chương đồng môn cờ tướng; 01 huy chương đồng môn võ cổ truyền; 02 huy chương vàng, 02 bạc 03 đồng môn vovinam; huy chương đồng môn bóng đá; cờ tướng 01 huy chương bạc, 02 huy chương đồng.

5. An toàn thực phẩm

Triển khai các kế hoạch ATTP Tết Nguyên đán, tháng hành động ATTP: tuyên truyền trên loa đài, tuyên truyền bằng khẩu hiệu, băng rôn 02 đợt 14 tấm băng rôn; kiểm tra ATTP Tết Nguyên đán 09 cơ sở, tuyên truyền tại các chợ. Qua kiểm tra các cơ sở sản xuất kinh doanh hàng hóa, thực phẩm, cơ sở giết mổ trên địa bàn đảm bảo, chưa có trường hợp mất vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất kinh doanh.

6. Lao động – Thương binh và xã hội

Tổng kinh phí của các tổ chức, cá nhân thăm tặng quà cho các đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách, đối tượng bảo trợ xã hội trong dịp Tết Nguyên đán với tổng số tiền 196.000.0000 đồng.

Thực hiện chế độ chính sách: Lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ cách ly y tế tại nhà cho các công dân thuộc đối tượng F1 theo Quyết định 23/QĐ-TTg, 33/2021/QĐ-TTg là 160 người. Lập danh sách đề nghị hỗ trợ mai táng phí 01 trường hợp do hỏa hoạn số tiền 18.000.000 đồng. Đơn vị Tiểu đoàn 14 sư đoàn bộ binh 2; Ban chỉ huy quân sự thị xã An Khê; Ủy ban MTTQVN xã đã hỗ trợ giống vật nuôi, cho 03 hộ nghèo với tổng kinh phí 37.000.000 đồng. Sư đoàn bộ binh 2 hỗ trợ cho 01 hội viên Cựu chiến binh thuộc hộ nghèo xây mới 01 căn nhà với kinh phí 80.000.000 đồng. Chi trả tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội quý I, II/2022: 17.160.000 đồng. Phối hợp với Bưu điện xã, giám sát việc chi trả chế độ chính sách người có công, bảo trợ xã hội đảm bảo theo quy định.

Tổ chức mừng thọ cho quý cụ cao niên năm 2022 (độ tuổi: 70, 75, 80, 85, 90, 95): 42 cụ, tổng kinh phí 22.320.000 đồng.

Dân số hiện nay 1.296 hộ, 4.323 khẩu, trong đó có 81 hộ DTTS, 374 khẩu dân tộc thiểu số sinh sống trên các thôn, làng. Tổng số hộ nghèo 44 hộ, chiếm 3,4% và 50 hộ cận nghèo chiếm 3,86%. Trong đó, số hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo trên địa bàn xã là 09 hộ, chiếm 20,45%, hộ cận nghèo 10 hộ chiếm 20,00% so với tổng số hộ nghèo, cận

nghèo trên địa bàn xã. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT 95,14 %, cấp 100 thẻ BHYT cho hộ nghèo và 135 thẻ BHYT cho hộ cận nghèo.

Thực hiện công văn số 739/UBND-KT ngày 13/5/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã An Khê về việc tổ chức thực hiện các giải pháp phòng, chống tình trạng đuối nước ở trẻ em. UBND xã triển khai cho các Trưởng thôn, làng soát những vị trí, khu vực trên địa bàn có nguy cơ cao xảy ra đuối nước ở trẻ em như: sông, suối, ao, hồ, hồ đào chứa nước tưới sản xuất nông nghiệp...; đề xuất cấm biển cảnh báo, làm rào chắn. Kiểm tra, đề nghị các chủ ao, bầu, đập, các hộ gia đình có hồ đào chứa nước tưới sản xuất nông nghiệp... phải cam kết với UBND xã thực hiện cấm biển cảnh báo, rào chắn và các biện pháp ngăn chặn trẻ em đến tắm; không để xảy ra đuối nước ở hồ đập, hồ đào... do tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng và chịu trách nhiệm nếu không có các biện pháp cảnh báo, ngăn chặn.

Xây dựng Kế hoạch tổ chức các hoạt động kỷ niệm 75 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947-27/7/2022) với tổng kinh phí 20 triệu đồng.

Lập danh sách GĐCS nhận quà của Chủ tịch nước, quà của Ủy ban nhân dân thị xã nhân kỷ niệm 75 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947-27/7/2022): 40 người, kinh phí: 24 triệu đồng.

Rà soát bổ sung và chuẩn hóa dữ liệu đối tượng bảo trợ xã hội : 173 đối tượng.

Phối hợp công ty TNHH MTV Kim Hoa Thịnh tặng 44 suất quà cho hộ nghèo, với tổng kinh phí: 15,1 triệu đồng.

Phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã triển khai mô hình nuôi heo sọc dưa tại làng pốt, với tổng kinh phí 50 triệu đồng; Hỗ trợ giống vật nuôi cho hộ nghèo (03 hộ), kinh phí 30 triệu đồng.

Phối hợp phòng Kinh tế tổ chức tập huấn kỹ thuật trồng lúa nước tại làng Pốt: 50 người.

Tỷ lệ người dân tham gia BHYT, đạt 95,14% (4.113/4.323 người).

III. CÔNG TÁC NỘI CHÍNH

1. Công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

Tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn ổn định, tổ chức tuần tra, kiểm tra trên địa bàn theo kế hoạch.

Về trật tự ATXH:

+ 01 vụ phạm pháp hình sự (cố ý gây thương tích), chuyển hồ sơ Công an thị xã đang thụ lý giải quyết.

+ 04 vụ phạm pháp hành chính, trong đó: xử lý 03 vụ, xử phạt số tiền 21.500 nghìn đồng; còn 01 vụ đang xử lý.

+ 01 vụ cháy nhà, 01 người thiệt mạng.

+ xử lý cư trú: 01 trường hợp, xử phạt 750.000đ.

Về an toàn giao thông: Xử lý 18 trường hợp, xử phạt số tiền 19.650 nghìn đồng.

Tổ chức tuyên truyền, phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, 7 lượt với hơn 2000 người tham gia.

Thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ công tác và Kế hoạch tuyên truyền thực hiện Đề án phát triển, ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn xã Song An. Ban chỉ đạo tổ chức Hội nghị tuyên truyền Đề án 06 cho các thành viên BCD cấp xã và thôn, làng hiểu được mục đích, yêu cầu nội dung Đề án 06, trong thời gian tới sẽ tiếp tục triển khai các bước tiếp theo.

Phối hợp Công an thị xã tổ chức 6 đợt làm CCCD, khoảng 500 người.

Làm tốt công tác dân vận, đảm bảo an ninh, trật tự tại địa phương đối với các dự án điện gió trên địa bàn.

2. Công tác quân sự địa phương

Xây dựng kế hoạch tuần tra, trực gác đảm bảo giữ vững an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội trong các dịp lễ, tết, các sự kiện.

Tổ chức đón quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ trở về địa phương năm 2022 là 07 quân nhân.

Nhận và phát lệnh công dân nhập ngũ năm 2022. Tổ chức gặp mặt, tặng quà, động viên công dân lên đường nhập ngũ, giao quân 11 công dân.

Tổ chức xây dựng lực lượng dân quân mới năm 2022 đạt chỉ tiêu được giao (kết nạp mới 24 đồng chí, công nhận hoàn thành nghĩa vụ 24 đồng chí)

Tổ chức Huấn luyện dân quân năm 2022 được 85/91 đồng chí: Dân quân năm thứ nhất 24 đồng chí, dân quân cơ động 21 đồng chí, dân quân tại chỗ 06 đồng chí, dân quân SMPK 12,7mm 31 đồng chí, dân quân binh chủng khác 03 đồng chí.

Rà soát danh sách tuổi 17 năm 2022, xây dựng kế hoạch và tiến hành đăng ký nghĩa vụ quân sự được 45/45 công dân, đạt 100% kế hoạch.

Xây dựng Kế hoạch trực chốt và duy trì tốt công tác trực, phối hợp tuần tra cùng với công an trong diễn tập "AK 22" quân số tham gia 03 ngày đêm với 33 lượt đồng chí tham gia.

Tham gia công tác chuẩn bị diễn tập thị xã, quân số tham gia 20 lượt đồng chí. Tham gia huấn luyện, và phục vụ diễn tập từ ngày 03 đến ngày 17/7/2022 quân số 34 đồng chí (b 12,7 mm 31 đồng chí và Chỉ huy trưởng, trung đội trưởng, tiểu đội trưởng cơ động).

Triển khai công tác rà soát thực lực chuẩn bị cho công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ năm 2023.

3. Công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư

Công tác tiếp công dân luôn được UBND xã quan tâm, thực hiện việc tiếp công dân thường xuyên và định kỳ đảm bảo theo quy định tại Luật tiếp công dân năm 2013. Số lượt tiếp công dân: 0 lượt.

Tổng số đơn thư tiếp nhận từ đầu năm 2022 đến nay: 07 đơn đã giải quyết 06 đơn⁶; còn 01 đơn kiến nghị của ông Nguyễn Bá Lĩnh thôn An Thượng 2 về việc cấp GCN QSD đất hiện đang thụ lý giải quyết.

Công tác hòa giải ở thôn: Các tổ hòa giải tiếp nhận 05 vụ, trong đó: hòa giải thành 03 vụ trong lĩnh vực dân sự; 02 vụ hòa giải không thành trong lĩnh vực tranh chấp đất đai. Các vụ hòa giải được UBND xã thanh toán chế độ thù lao cho hòa giải viên theo đúng quy định.

4. Công tác nội vụ

Rà soát, triển khai cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ TTHC trực tuyến mức độ 3, 4 trên cổng dịch vụ công Gia Lai (*Công văn số 91/UBND-KT ngày 7/4/2022*).

Công tác CCHC: Tổng số hồ sơ tiếp nhận trong 9 tháng: 1.431 hồ sơ, trong đó: Lĩnh vực hộ tịch đã giải quyết 636 trường hợp, lĩnh vực chứng thực đã giải quyết 738 trường hợp, lĩnh vực bảo trợ xã hội 52 trường hợp, khen thưởng 5 trường hợp. Đã giải quyết 1.431/1.431 hồ sơ, không có hồ sơ trễ hẹn.

UBND xã ban hành 08 quyết định xếp phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã, người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, làng.

Chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức theo Nghị định số 59/2019/NĐ-CP: Tiếp nhận 01 công chức Tài chính – kế toán đến công tác tại xã Song An từ ngày 28/02/2022.

Lập hồ sơ đề nghị cấp trên khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích trong phong trào xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2020: 02 tập thể, 4 cá nhân.

Tổ chức bầu cử Trưởng thôn, làng nhiệm kỳ 2022-2025. Kết quả có 6 trưởng thôn, làng trúng cử đảm bảo theo quy định. Số lượng Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng thôn có 4/6 thôn, làng, chiếm tỷ lệ 66,67%.

⁶ + 01 đơn kiến nghị của 05 hộ dân ở thôn Thượng An 3 về hoạt động của quạt điện gió gây ảnh hưởng đến sức khỏe và hoa màu. Kết quả giải quyết xong, UBND xã làm văn bản trả lời cho công dân theo công văn số 06/UBND-KT ngày 10/01/2022 và Báo cáo UBND thị xã An Khê, văn bản số 07/BC-UBND ngày 10/01/2022 để theo dõi, chỉ đạo.

+ 01 đơn kiến nghị của ông Nguyễn Văn Kỳ, thôn Thượng An 3 về xác định ranh giới thửa đất để cấp GCN QSDĐ lần đầu. Kết quả giải quyết xong, UBND xã có báo cáo số 27/BC-UBND ngày 16/02/2022.

+ 01 đơn kiến nghị của ông Đinh Công Lâm, thôn An Thượng 3 về việc giao đất rừng sản xuất. Kết quả giải quyết: UBND xã đã trả lời cho công dân theo công văn số 115/UBND-NC ngày 11/5/2022 và báo cáo số 107/BC-UBND ngày 11/5/2022 về UBND thị xã theo dõi, chỉ đạo.

+ 01 đơn kiến nghị của ông Võ Văn Tấn, thôn An Thượng 3 về việc giao đất rừng sản xuất. Kết quả giải quyết: UBND xã có báo cáo số 130/BC-UBND ngày 27/5/2022.

+ 01 đơn kiến nghị của ông Huỳnh Tấn Hải, thôn An Thượng 3 về việc giải quyết việc ông Hồ Văn Nhớ thôn An Thượng 3 làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên diện tích đất trồng cây lâu năm (khoảng 0,5 ha) của ông Huỳnh Tấn Hải.

+ 01 đơn kiến nghị lỗi đi của ông Nguyễn Văn Quang ở thôn An Thượng 2. UBND xã làm văn bản trả lời cho công dân số 176/UBND-NC ngày 03/8/2022 và Báo cáo số 196/BC-UBND ngày 03/8/2022 báo cáo UBND thị xã An Khê.

5. Công tác dân tộc tôn giáo

Rà soát các trường hợp người đồng bào DTTS đang sinh sống tại làng Pốt, chưa tham gia BHYT lập danh sách đề nghị cấp trên hỗ trợ kinh phí để mua BHYT là 210.

Thường xuyên nắm bắt tình hình hoạt động của các tôn giáo trên địa bàn, công tác phòng chống dịch Covid-19 tại các cơ sở tôn giáo đảm bảo theo hướng dẫn của Bộ Y tế và các cấp, các ngành liên quan, thực hiện đầy đủ thông điệp “5K”.

Trong thời gian tuần lễ Phật đản diễn ra từ ngày 08/5 đến ngày 15/5/2022 (ngày 08/4 đến ngày 15/4 âm lịch) các hoạt động của Chùa Quan Âm và Tịnh xá Ngọc An diễn ra bình thường, đảm bảo an ninh trật tự và công tác phòng, chống dịch Covid-19 của Bộ Y tế và địa phương.

Lãnh đạo Đảng ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQVN xã đã tổ chức thăm, tặng quà 02 cơ sở Chùa Quan Âm và Tịnh xá Ngọc An.

Nhân Đại lễ Phật Đản Chùa Quan Âm tổ chức phát 120 phần quà cho các hộ khó khăn trên địa bàn xã và 80 hộ đồng bào DTTS tại làng Pốt. Trị giá mỗi suất quà 400.000 đồng.

Nhân dịp lễ vu lan, các đơn vị, nhà tài trợ tặng quà cho hộ nghèo, cận nghèo: Cao đài chơn lý Song An: 56 suất, tổng kinh phí 16,8 triệu đồng; Chùa quan Âm: 150 suất, tổng kinh phí 75 triệu đồng; cá nhân chị Hoa, Vân: 06 suất, tổng kinh phí 3 triệu đồng.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân thị xã, chỉ đạo của Đảng ủy cùng với nỗ lực của cán bộ, công chức, Ủy ban nhân dân xã đã ban hành các chương trình, kế hoạch và các giải pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trong 9 tháng, khắc phục những khó khăn, hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm, các chỉ tiêu cơ bản hoàn thành và vượt kế hoạch như: giao quân đạt 100%; diện tích gieo trồng đạt 100%.

Trong 9 tháng đầu năm 2022, thời tiết diễn biến thuận lợi, Nhân dân gieo trồng đạt chỉ tiêu, kế hoạch đề ra; tình hình ANCT giữ vững ổn định; công tác tuyên truyền được triển khai kịp thời đến với Nhân dân bằng nhiều hình thức; công tác an sinh xã hội được quan tâm nhiều đảm bảo đời sống cho Nhân dân.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn những tồn tại, hạn chế như:

Xây dựng Nông thôn mới: Thực hiện theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó có nhiều tiêu chí nâng cao chưa có văn bản quy định cụ thể, phải chờ văn bản cấp trên hướng dẫn khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện, một số tiêu chí nâng cao khó thực hiện đạt theo kế hoạch đăng ký đạt năm 2022.

Về lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản: Đối với vốn huy động trong Nhân dân về các công trình nợ đọng trước đây rất khó thu, chậm thu để trả nợ các nhà thầu.

Tình trạng học sinh bỏ học năm học 2021-2022: Có 07 em học sinh trung học cơ sở bỏ học, chiếm tỷ lệ 2,2% (tăng so với năm học trước 02 em).

Đơn thư gửi vượt cấp nhiều, 06 đơn kiến nghị của công dân do UBND thị xã chuyển đến.

Tình trạng khai thác khoáng sản trên địa bàn còn xảy ra (*02 vụ khai thác khoáng sản*).

Tình trạng lấn, chiếm đất 88,9ha chưa tham mưu xử lý dứt điểm để xây dựng phương án thuê đất theo quy định.

Phần II

NHIỆM VỤ 3 THÁNG CUỐI NĂM 2022

1. Lĩnh vực kinh tế:

Chỉ đạo triển khai thực hiện tốt kế hoạch sản xuất vụ đông xuân, triển khai công tác phòng chống thiên tai trên địa bàn xã.

Quản lý, sử dụng tốt các công trình thủy lợi để phát huy năng lực tưới đảm bảo nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, đồng thời chú trọng công tác duy tu, sửa chữa, các công trình thủy lợi.

Tăng cường kiểm tra, ngăn chặn tình trạng ô nhiễm môi trường, khai thác khoáng sản trái phép.

Tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm; thực hiện tốt công tác tiêm phòng không để dịch bệnh xảy ra trên địa bàn.

Thực hiện tiêu chí nông thôn mới nâng cao theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, tổ chức họp đánh giá, đề xuất giải pháp thực hiện.

Triển khai quyết liệt các biện pháp thu hồi đất rừng (88,9ha) theo chỉ đạo để có cơ sở xây dựng phương án cho thuê trong năm 2022.

Tăng cường công tác quản lý tài chính, khai thác mọi nguồn thu, vận động Nhân dân tích cực thực hiện các khoản đóng góp của Nhân dân, thực hiện công khai và sử dụng đúng mục đích. Chi ngân sách tiết kiệm, hiệu quả chống lãng phí.

2. Lĩnh vực văn hóa xã hội

Tiếp tục vận động, tuyên truyền người dân nâng cao nhận thức trong phòng, chống dịch Covid-19; tiếp tục thực hiện Phương án phòng, chống dịch thích ứng, an toàn, linh hoạt trong tình hình mới. Tuyên truyền các văn bản theo sự chỉ đạo của cấp trên và các văn bản phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của địa phương.

Tuyên truyền, kiểm tra công tác ATTP. Triển khai công tác bình xét GDVH, thôn, làng văn hóa. Triển khai công tác bình xét hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Đảm bảo công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân; thực hiện tốt công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình.

3. Lĩnh vực nội chính

Xây dựng kế hoạch kiểm tra đảm bảo giữ vững an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội, đẩy lùi tai nạn giao thông; bảo đảm trật tự an toàn xã hội, an ninh học đường.

Duy trì tốt công tác trực sẵn sàng chiến đấu và công tác phối hợp tuần tra với công an bảo vệ ANCT TTATXH trên địa bàn và với kiểm lâm địa bàn trong công tác bảo vệ rừng.

Kiện toàn Hội đồng xét duyệt chính trị, hội đồng nghĩa vụ quân sự, chuẩn vị các bước cho công tác tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ năm 2023.

Tiếp tục thực hiện công tác cải cách hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Chấp hành tốt kỷ cương, kỷ luật trong cơ quan.

Thực hiện tốt công tác tiếp dân định kỳ, tiếp nhận, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân theo đúng quy định.

Tổ chức đánh giá xếp loại chính quyền cơ sở, cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách xã, thôn và người trực tiếp tham gia công việc ở thôn. Triển khai công tác khen thưởng cuối năm 2022.

Thực hiện tốt chính sách tôn giáo, dân tộc, chính sách đại đoàn kết dân tộc của Đảng và Nhà nước.

V. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC UBND THỊ XÃ GIAO

1. Về tiến độ thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2022

Trong 9 tháng đầu năm 2022, UBND xã bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của UBND thị xã, Đảng ủy xã, triển khai thực hiện kịp thời đảm bảo tiến độ theo chỉ tiêu đề ra.

2. Về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh

Trên địa bàn xã có 09 doanh nghiệp và 01 hợp tác xã: Công ty MDF Vinafor, Công ty TNHH Thanh Danh; Công ty TNHH một thành viên Thái Xuân Biên; Công ty TNHH một thành viên Thái Hương; Công ty TNHH Tuấn Quang; Công ty TNHH một thành viên Phan Trung Gia Lai; Công ty TNHH 1 thành viên Thuận Sơn, Công ty TNHH 1 thành viên Hưng Gia Phát Gia Lai; Công ty TNHH 1 thành viên Sáu Liêm; Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp thanh niên An Khê.

UBND xã tạo mọi điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động; các doanh nghiệp này thu hút tạo việc làm cho một số lao động ở địa phương. Triển khai các chính sách hỗ trợ và tạo mọi điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển mạnh mẽ kinh tế ở địa phương.

Đối với các dự án của Trung ương, tỉnh, thị xã đang triển khai thi công nằm trên địa bàn xã gồm dự án điện gió; dự án tăng cường kết nối giao thông khu vực Tây nguyên hạng mục mở rộng, nâng cấp tuyến QL 19; dự án đường nối từ quốc lộ 19 đến tỉnh lộ 669 đường Lâm Nghiệp; dự án cấp nước sinh hoạt; dự án điện KfW3... UBND xã thường xuyên phối hợp với chủ đầu tư tuyên truyền, vận động Nhân dân trong công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng...

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về THTK, CLP

UBND xã tự kiểm tra nội bộ, công tác tài chính - ngân sách nhà nước bảo đảm chi ngân sách nhà nước tiết kiệm, hiệu quả và theo đúng dự toán được Hội đồng nhân dân xã thông qua, trong đó:

Thực hiện 10% tiết kiệm chi ngân sách hàng năm nhằm tạo nguồn thực hiện chính sách cải cách tiền lương theo quy định.

Triển khai đồng bộ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 và các văn bản hướng dẫn nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công và khai thác hợp lý nguồn lực từ tài sản công theo Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Thủ

tướng Chính phủ, Nghị quyết số 87/2018/NQ-HĐND, Nghị quyết 132/2020/NQ-HĐND của HĐND Tỉnh.

Thực hiện mua sắm tài sản theo đúng tiêu chuẩn, định mức và chế độ quy định, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. Xác định cụ thể từng đối tượng được trang bị tài sản; đồng thời xác định công năng sử dụng của tài sản để trang bị cho nhiều đối tượng dùng chung phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thực tế ở đơn vị, tránh lãng phí trong việc trang bị, mua sắm tài sản.

Trên đây là tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 9 tháng đầu năm 2022 và triển khai nhiệm vụ công tác 3 cuối năm 2022, UBND xã Song An báo cáo UBND thị xã An Khê, Phòng Tài chính – Kế hoạch biết, tổng hợp./.

(Có phụ lục kết quả thực hiện các chỉ tiêu kèm theo).

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Đảng ủy;
- TT HĐND xã;
- Ủy ban MTTQVN và các đoàn thể xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Lê Tiến

Phụ lục 1
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI TỔNG HỢP 9
THÁNG ĐẦU NĂM 2022

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Thực hiện 9 tháng năm 2021	Năm 2022			So sánh (%)		
				Kế hoạch năm 2022	Thực hiện 9 tháng	Ước năm 2022	Thực hiện 9 tháng 2022/ 9 tháng 2021	Thực hiện 9 tháng 2022/ Kế hoạch 2022	Ước năm 2022/ Kế hoạch 2022
I	CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ								
1	Cơ cấu kinh tế tính theo giá hiện hành	%	100,00	100,00	100,00	100,00			
	Ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	50,38	50,05	50,36	50,05			
	Ngành công nghiệp và xây dựng	%	22,01	22,05	22,03	22,05			
	Ngành thương mại, dịch vụ	%	27,61	27,90	27,61	27,90			
2	Tổng thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	813,000	834,000	674,000	834,000	82,90	80,82	100,00
	Tổng thu cân đối ngân sách	Tỷ đồng	3.025,000	3.585,000	2.469,000	3.585,000	81,62	68,87	100,00
3	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	0	3.294	1.647	3.294		50,00	100,00
4	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng/ người/ năm	42	46,00	46,00	52,00	109,52	100,00	113,04
5	Số xã đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao (lũy kế đến cuối năm kế hoạch)	Xã	0	1	0	1		0,00	100,00
6	Tỷ lệ che phủ rừng	%	45	48,70	48,65	48,80			
II	CÁC CHỈ TIÊU XÃ HỘI								
8	Dân số trung bình	Người	4.303	4.437	4.323	4.362	100,46	97,43	98,31
	Tỷ lệ tăng dân số	%	0,89	0,90	0,50	0,92			
	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	0,97	0,86	0,83	0,85			
9	Lao động và việc làm								
	Số lao động có việc làm	Người	3.263	3.271	3.263	3.271	100,00	99,76	100,00
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	65,15	65,26	75,02	75,05			
10	Giảm nghèo (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2022-2025)								
	Tỷ lệ hộ nghèo	%	1,16	3,01	3,39	3,01			
	Tỷ lệ hộ cận nghèo	%	2,70	3,32	3,86	3,32			
	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1	%	3,00	3,00	3,00	3,00			
	Số trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	Trường	0,00	0,00	0,00	0,00			

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Thực hiện 9 tháng năm 2021	Năm 2022			So sánh (%)		
				Kế hoạch năm 2022	Thực hiện 9 tháng	Ước năm 2022	Thực hiện 9 tháng 2022/ 9 tháng 2021	Thực hiện 9 tháng 2022/ Kế hoạch 2022	Ước năm 2022/ Kế hoạch 2022
11	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi bậc Tiểu học	%	100,00	100,00	100,00	100,00			
	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi bậc Trung học cơ sở	%	100,00	100,00	100,00	100,00			
	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi bậc Trung học phổ thông	%	100,00	100,00	100,00	100,00			
12	Tỷ lệ dân số tham gia Bảo hiểm y tế	%	96,67	97,07	95,14	97,10			
13	Tỷ lệ xã, phường giữ vững tiêu chí quốc gia về y tế	%	100,00	100,00	100,00	100,00			
	Số bác sỹ/vạn dân	Bác sỹ	4,60	4,50	4,60	4,58	100,00	102,22	101,78
	Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sỹ	%	1,00	1,00	1,00	1,00			
14	Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	100,00	100,00	100,00	100,00			
15	Tỷ lệ dân số đô thị sử dụng nước sạch	%	0,00	0,00	0,00	0,00			
	Trong đó, tỷ lệ dân số được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	17,60	38,60	33,72	38,60			
16	Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý	%	75,00	80,00	75,94	80,00			

Phụ lục 2
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NGÀNH NÔNG NGHIỆP,
CÔNG NGHIỆP VÀ DỊCH VỤ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Thực hiện 9 tháng năm 2021	Năm 2022			So sánh (%)		
				Kế hoạch năm 2022	Thực hiện 9 tháng	Ước năm 2022	Thực hiện 9 tháng 2022/ 9 tháng 2021	Thực hiện 9 tháng 2022/ Kế hoạch 2022	Ước năm 2022/ Kế hoạch 2022
A	NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN								
1	Trồng trọt								
	Tổng diện tích gieo trồng	Ha	269,00	397,00	397,00	397,00	147,58	100,00	100,00
	Tổng sản lượng lương thực	Tấn	532,50	1.001,60	565,00	1.185	106,10	56,41	118,34
	Trong đó : Thóc	Tấn	420,00	896,00	1.020,00	1.075	242,86	113,84	120,01
1	Cây lương thực có hạt	Ha							
1.1	Lúa cả năm:	Ha	85,00	140,00	170,00	170,00	200,00	121,43	121,43
	- Năng suất	Tạ/ha	60,00	64,00	60,00	63,25	100,00	93,75	98,83
	- Sản lượng	Tấn	420,00	896,00	1.020,00	1.075	242,86	113,84	120,01
a	Lúa đông xuân	Ha	70,00	70,00	70,00	70,00	100,00	100,00	100,00
	- Năng suất	Tạ/ha	60,00	65,00	65,00	65,00	108,33	100,00	100,00
	- Sản lượng	Tấn	420,00	455,00	455,00	455,00	108,33	100,00	100,00
b	Lúa vụ mùa	Ha	15,00	70,00	100,00	100,00	666,67	142,86	142,86
	- Năng suất	Tạ/ha		63,00	56,50	62,00		89,68	98,41
	- Sản lượng	Tấn		441,00	565,00	620,00		128,12	140,59
1.2	Ngô:	Ha	25,00	22,00	22,00	22,00	88,00	100,00	100,00
	- Năng suất	Tạ/ha	45,00	48,00	50,00	50,00	111,11	104,17	104,17
	- Sản lượng	Tấn	112,50	105,60	110,00	110,00	97,78	104,17	104,17
2	Cây tinh bột có củ	Ha							
	Cây Sắn	Ha	30,00	60,00	30,00	30,00	100,00	50,00	50,00
	- Năng suất	Tạ/ha	260,00	260,00		260,00	0,00	0,00	100,00
	- Sản lượng	Tấn	780,00	1.560,00		780,00	0,00	0,00	50,00
3	Cây thực phẩm	Ha	32,00	25,00	25,00	25,00	78,13	100,00	100,00
3.1	Đậu các loại	Ha	5,00	5,00	5,00	5,00	100,00	100,00	100,00
	- Năng suất	Tạ/ha	9,00	9,00	9,00	9,00	100,00	100,00	100,00
	- Sản lượng	Tấn	4,50	4,50	4,50	4,50	100,00	100,00	100,00
3.2	Rau các loại (có cả tre lấy măng)	Ha	27,00	20,00	20,00	20,00	74,07	100,00	100,00
	- Năng suất	Tạ/ha	215,00	215,00	215,00	215,00	100,00	100,00	100,00
	- Sản lượng	Tấn	580,50	430,00	430,00	430,00	74,07	100,00	100,00
4	Cây công nghiệp ngắn ngày	Ha	0,00	0,00	0,00	0,00			

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Thực hiện 9 tháng năm 2021	Năm 2022			So sánh (%)		
				Kế hoạch năm 2022	Thực hiện 9 tháng	Ước năm 2022	Thực hiện 9 tháng 2022/ 9 tháng 2021	Thực hiện 9 tháng 2022/ Kế hoạch 2022	Ước năm 2022/ Kế hoạch 2022
4.1	Lạc	Ha	0,00	0,00	0,00	0,00			
	- Năng suất	Tạ/ha							
	- Sản lượng	Tấn							
4.2	Mía tổng số	Ha	0,00	0,00	0,00	0,00			
a	Trồng mới	Ha							
b	Thu hoạch	Ha							
	- Năng suất	Tạ/ha							
	- Sản lượng	Tấn							
5	Cây hàng năm khác (Ớt cay, hoa, cây cảnh, cỏ chăn nuôi...)	Ha	65,00	100,00	100,00	100,00	153,85	100,00	100,00
6	Cây ăn quả, cây dược liệu, ...	Ha	32,00	50,00	50,00	50,00	156,25	100,00	100,00
II	CHĂN NUÔI								
1	Đàn trâu	Con	30	24	20	22	66,67	83,33	91,67
2	Đàn bò	Con	1.709	1.690	1.684	1.692	98,54	99,64	100,12
	- Trong đó, Tỷ lệ bò lai	%	91,50	92,00	92,60	93,00			
3	Đàn heo	Con	3.130	1.550	3.210	3.220	102,56	207,10	207,74

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Thực hiện 9 tháng năm 2021	Năm 2022			So sánh (%)		
				Kế hoạch năm 2022	Thực hiện 9 tháng	Ước năm 2022	Thực hiện 9 tháng 2022/ 9 tháng 2021	Thực hiện 9 tháng 2022/ Kế hoạch 2022	Ước năm 2022/ Kế hoạch 2022
III	LÂM NGHIỆP								
1	Diện tích giao khoán quản lý bảo vệ rừng	Ha	0,00	0,00	0,00	0,00			
2	Tỷ lệ che phủ rừng	%	45	48,70	48,60	48,80			
3	Khai thác gỗ (rừng trồng)	tấn	36.500,00	39.600,00	38.258,00	39.800,00	104,82	96,61	100,51
IV	THỦY SẢN								
1	Diện tích. Trong đó:	Ha	0,00	0,00	0,00	0,00			
	- Diện tích nuôi trồng	Ha							
	- Diện tích khai thác	Ha							
2	Sản lượng. Trong đó:	Tấn							
	- Sản lượng khai thác	Tấn							
	- Sản lượng nuôi trồng	Tấn							

Phụ lục 3
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU LĨNH VỰC VĂN HÓA,
XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2022**

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Thực hiện 9 tháng năm 2021	Năm 2022			So sánh (%)		
				Kế hoạch năm 2022	Thực hiện 9 tháng	Ước năm 2022	Thực hiện 9 tháng 2022/ 9 tháng 2021	Thực hiện 9 tháng 2022/ Kế hoạch 2022	Ước năm 2022/ Kế hoạch 2022
I	VĂN HÓA - XÃ HỘI								
1	Dân số								
1.1	Dân số trung bình	Người	4.303	4.437	4.323	4.362	100,46	97,43	98,31
1.2	Tỷ lệ tăng dân số	%	0,89	0,90	0,50	0,92			
1.3	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	0,97	0,86	0,83	0,85			
2	Lao động, việc làm								
2.1	Số lao động có việc làm	Người	3.263	3.271	3.263	3.271	100,00	99,76	100,00
2.2	Số lao động được tạo việc làm mới	Người	92	90	40	90	43,48	44,44	100,00
2.3	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	65,15	65,26	75,02	75,05			
3	Giảm nghèo (Năm 2021, báo cáo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020; năm 2022 xây dựng theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2022-2025)								
3.1	Tỷ lệ hộ nghèo	%	1,16	3,01	3,39	3,01			
3.2	Tỷ lệ hộ cận nghèo	%	2,70	3,32	3,86	3,32			
4	Giáo dục								
4.1	Tổng số học sinh các cấp (tính đầu năm học):	Học sinh	750	755	862	846	114,93	114,17	112,05
	+ Mẫu giáo, mầm non	Học sinh	115	120	120	111	104,35	100,00	92,50
	+ Tiểu học	Học sinh	423	423	443	436	104,73	104,73	103,07
	+ Trung học cơ sở	Học sinh	212	212	299	299	141,04	141,04	141,04
	+ Trung học phổ thông	Học sinh	0	0	0	0			
4.2	Tỷ lệ trẻ em từ 3 đến 5 tuổi đi học mẫu giáo	%	70,00	70,00	44,00	44,00			
4.3	Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi học mẫu giáo	%	100,00	100,00	100,00	100,00			
4.4	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi bậc Tiểu học	%	100,00	100,00	100,00	100,00			
4.5	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi bậc Trung học cơ sở	%	100,00	100,00	100,00	100,00			
4.6	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi bậc Trung học phổ thông	%	100,00	100,00	100,00	100,00			
4.7	Số trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 (lũy kế)	Trường	3	3	3	3	100,00	100,00	100,00
4.8	Số trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	Trường	0	0	0	0			
4.9	Tỷ lệ trường học mầm non, phổ thông có nước và nhà tiêu hợp vệ sinh	%	100,00	100,00	100,00	100,00			

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Thực hiện 9 tháng năm 2021	Năm 2022			So sánh (%)		
				Kế hoạch năm 2022	Thực hiện 9 tháng	Ước năm 2022	Thực hiện 9 tháng 2022/ 9 tháng 2021	Thực hiện 9 tháng 2022/ Kế hoạch 2022	Ước năm 2022/ Kế hoạch 2022
5	Y tế								
5.1	Số giường bệnh/vạn dân (Không tính trạm y tế xã)	Giường	20,80	20,28	20,80	20,63	100,00	102,56	101,73
5.2	Số bác sỹ/vạn dân	Bác sỹ	4,60	4,50	4,60	4,58	100,00	102,22	101,78
5.3	Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sỹ	%	1,00	1,00	1,00	1,00			
5.4	Tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn mới quốc gia về y tế (QĐ số 4467/QĐ-BYT ngày 07/11/2014)	%	100,00	100,00	100,00	100,00			
5.5	Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi (theo cân nặng)	%	12,22	12,00	12,22	12,00			
5.6	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đủ liều	%	50,00	98,00	32,53	98,00			
5.7	Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế	%	96,67	97,07	95,14	97,10			
6	Văn hóa, Thể thao, Thông tin và truyền thông								
6.1	Tỷ lệ thôn, làng, tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa	%	100,00	100,00	100,00	100,00			
6.2	Tỷ lệ gia đình được công nhận gia đình văn hóa	%	81,00	85,00	82,80	82,80			
6.3	Tỷ lệ xã, phường có nhà văn hóa được xây dựng riêng	%	0,00	0,00	0,00	0,00			
6.4	Tỷ lệ dân số tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên	%	40,90	42,00	42,00	42,00			
6.5	Tỷ lệ gia đình tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên	%	40,90	42,00	42,00	42,00			
6.6	Số giờ phát sóng phát thanh	Giờ	430,00	990,00	660,00	540,00	153,49	66,67	54,55
II	MÔI TRƯỜNG								
1	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	100,00	100,00	100,00	100,00			
2	Trong đó Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	17,60	38,60	33,72	38,60			
3	Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý	%	75,00	82,00	75,94	80,00			
4	Tỷ lệ khu, cụm đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100,00	100,00	100,00	100,00			
5	Tỷ lệ các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%	100,00	100,00	100,00	100,00			

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Thực hiện 9 tháng năm 2021	Năm 2022			So sánh (%)		
				Kế hoạch năm 2022	Thực hiện 9 tháng	Ước năm 2022	Thực hiện 9 tháng 2022/ 9 tháng 2021	Thực hiện 9 tháng 2022/ Kế hoạch 2022	Ước năm 2022/ Kế hoạch 2022
6	Tỷ lệ xử lý chất thải rắn y tế đạt tiêu chuẩn	%	100,00	100,00	100,00	100,00			